

DANH SÁCH**Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030***(Kèm Quyết định số 803/QĐ-BDTTG ngày 20 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)***11. THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng	40		39	23	0
1	Xã Trần Phú		1	1		
		1	Thôn Đồng Ké	X		
2	Xã Phú Cát		1	1		
		1	Thôn Phú Mãn	X		
3	Xã Hoà Lạc		1	1		
		3	Thôn 7	X		
4	Xã Mỹ Đức		4	3	1	
		1	Thôn Đồng Chiêm		X	
		2	Thôn Phú Cốc	X		
		3	Thôn An Phú	X		
		4	Thôn Nam Thanh Hà	X		
5	Xã Yên Xuân		10	10	8	
		1	Thôn Đông Xuân 1	X	X	
		2	Thôn Đông Xuân 2	X		
		3	Thôn Tiến Xuân 1	X	X	
		4	Thôn Tiến Xuân 2	X	X	
		5	Thôn Tiến Xuân 3	X		
		6	Thôn Yên Bình 1	X	X	
		7	Thôn Yên Bình 2	X	X	
		8	Thôn Yên Bình 3	X	X	
		9	Thôn Yên Trung 1	X	X	
		10	Thôn Yên Trung 2	X	X	
6	Xã Ba Vì		11	11	11	
		1	Thôn Phú Khánh	X	X	
		2	Thôn Đá Chẹt	X	X	
		3	Thôn Hồng Ninh	X	X	
		4	Thôn Giáp Thượng	X	X	
		5	Thôn Sơn Lý	X	X	
		6	Thôn Minh Phú	X	X	
		7	Thôn Đồng Tiến	X	X	
		8	Thôn Tiến Thịnh	X	X	
		9	Thôn Đá Chông	X	X	
		10	Thôn Bản Miền	X	X	
		11	Thôn Bản Dao	X	X	
7	Xã Suối Hai		6	6		
		1	Thôn Phương Đông	X		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		2	Thôn Búi Thông	X		
		3	Thôn Đồng Tiên	X		
		4	Thôn Trung Sơn	X		
		5	Thôn Yên Hồng	X		
		6	Thôn Đức Thịnh	X		
8	Xã Yên Bái		6	6	3	
		1	Thôn Vân Hoà	X		
		2	Thôn Vân Sơn	X	X	
		3	Thôn Phú Vàng	X		
		4	Thôn Muồng	X	X	
		5	Thôn Bài	X		
		6	Thôn Quýt	X	X	